

Số: 24/KH-THVTS

Núi Thành, ngày 25 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển Trường Tiểu học Võ Thị Sáu giai đoạn 2025 - 2030

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW”;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Núi Thành lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030,

Trường Tiểu học Võ Thị Sáu xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 như sau:

PHẦN I

PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của xã Núi Thành, tình hình Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

Xã Núi Thành được thành lập theo Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH 15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025. Xã Núi Thành bao gồm xã Tam Giang, Tam Nghĩa, Tam Hiệp, Tam Quang và thị trấn Núi Thành cũ. Tổng diện tích 124,75 km², dân số 69.406 người; có cảng biển, sân bay và nhiều khu công nghiệp đóng chân trên địa bàn. Kinh tế phát triển, ngành nghề đa dạng như: nông, lâm, ngư nghiệp, thương mại, dịch vụ và một số ngành nghề khác. Đời sống người dân tương đối ổn định; an ninh trật tự đảm bảo.

Xã Núi Thành có 18 trường công lập gồm 4 cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Nhiều năm liền xã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Hiện nay 4/18 trường trên địa

bàn xã đạt trường chuẩn quốc gia mức 2, 11/18 trường đã quá hạn đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm. Các trường đều đạt đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về công tác giáo dục

Đảng ủy và chính quyền địa phương rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn.

Chi bộ trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể trong công tác công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục toàn diện học sinh; công tác tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

3. Sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục

Đời sống của người dân trên địa bàn xã những năm gần đây tương đối ổn định. Nhiều cha mẹ học sinh (CMHS) quan tâm đến việc học tập của con em và đã phối hợp rất tốt với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể là:

Phối hợp tốt với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh, tạo điều kiện cho con em học tập tốt.

Quan tâm cho trẻ đúng độ tuổi đến trường, duy trì việc chuyên cần học tập của con em, nhiều năm liền nhà trường không có học sinh bỏ học.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên sinh hoạt định kỳ, phối hợp với lãnh đạo trường thực hiện việc giáo dục học sinh, tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên và học sinh tham gia tốt các phong trào trong nhà trường và ngành tổ chức.

Tuy nhiên, vẫn còn một số CMHS khoán trắng việc học tập của con em cho nhà trường, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục hằng năm.

4. Thực trạng của nhà trường

4.1. Quy mô trường lớp

Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 9.943,1 m². Trường có 01 điểm trường.

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có tổng số học sinh: 655 học sinh, chia thành 20 lớp (Tỉ lệ học sinh/lớp là: 32 HS/lớp).

Biểu 1. Thống kê tình số lớp, số học sinh năm 2025 – 2026

Khối	Số lớp	Tổng số HS/nữ	HS học 2b/ngày	HS bán trú	HS KT	HS dân tộc	HS lưu ban	HS nghèo, CN	Số HS/lớp
Khối 1	4	138/71	140/71	106	0	0	2	1	34
Khối 2	4	137/75	137/75	93	0	0	2	1	34
Khối 3	4	142/73	142/73	94	1	0	0		35
Khối 4	4	117/60	117/60	75		0	0		29
Khối 5	4	119/57	119/57	56	2	0	0		29

TC	20	653/336	655/336	424	3	0	4	2	32
----	----	---------	---------	-----	---	---	---	---	----

*** Ưu điểm:**

Sĩ số học sinh/lớp ở các khối đảm bảo, thuận lợi cho việc giảng dạy, theo dõi chất lượng học sinh.

Công tác tuyển sinh tại trường hằng năm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 thực hiện 100%.

*** Hạn chế:**

Học sinh khuyết tật học hòa nhập chậm tiến bộ. Hằng năm vẫn còn một số em lưu ban.

4.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Biểu 2. Thống kê tình hình đội ngũ CB, GV, NV năm học 2025 – 2026

Bậc học		Tổng số	Độ tuổi			
			Dưới 30	31->40	41->50	Trên 50
Tiểu học	Quản lý	2	0	0	01	01
	Giáo viên	30	2	15	10	03
	TPT Đội	1	0	0	01	0
	Nhân viên	5	0	01	02	02
Tổng		38	02	16	14	06

Biểu 3. Thống kê cơ cấu đội ngũ CBQL, giáo viên năm học 2025 - 2026

CBQL	Giáo viên							
	TS	Tiểu học	GDTC	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin	NN	TPT
02	31	22	02	01	01	01	03	1

*** Chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên**

- Đối với Cán bộ quản lý: Tổng số: 02 (Trong đó Đại học: 02; Trung cấp lý luận chính trị: 02; Đảng viên: 02)

- Đối với giáo viên: Tổng số: 31; nữ 29. Trình độ chuyên môn: Đạt chuẩn: 30/31 đạt 96,7%.

Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên năm học 2024-2025: 100% đạt loại Khá trở lên.

Số đảng viên của trường: 22/38. Tỷ lệ 57,9%.

Ưu điểm:

Tập thể Sư phạm là một khối đoàn kết, có ý thức kỷ luật tốt, có tinh thần tự giác. Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực lãnh đạo tốt, có uy tín với tập thể.

Giáo viên nhiệt tình quan tâm đến việc dạy học và giáo dục học sinh, được học sinh yêu mến.

Nhiều giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy. Đa số giáo viên trẻ nhiệt huyết và năng lực sư phạm tốt. Có nhiều giáo viên dạy giỏi, đạt thành tích cao.

Hạn chế: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

4.3. Chất lượng giáo dục toàn diện

Biểu 4. Thống kê chất lượng đạt trà, thống kê chất lượng học sinh năng khiếu và thi đua 2 năm gần đây

	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Số lớp	20	20
Số học sinh	654	649
Số học sinh được khen	476 (72,8%)	477(73,4%)
Hoàn thành chương trình lớp học	650 (99,3%)	645(99,4%)
Hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%
HS đạt giải các cấp	1 giải Ba cấp TW, 5 giải cấp tỉnh và 30 giải cấp huyện	1HCV cấp quốc gia, 11 giải cấp tỉnh và 53 giải cấp huyện

4.4. Cơ sở vật chất:

Biểu 5. Thống kê tình hình cơ sở vật chất năm học 2025 – 2026

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Số lượng đã có	Diện tích/phòng	Ghi chú
1	Khôi phòng hành chính quản trị				
1.1	Phòng Hiệu trưởng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định	1	24 m ²	Đã xuống cấp
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định	1	24 m ²	Đã xuống cấp
1.3	Văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	1	24 m ²	Đã xuống cấp
1.4	Phòng bảo vệ	Đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	1	24 m ²	
1.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Có khu vệ sinh riêng dành cho nam và nữ	1	24 m ²	Đã xuống cấp

1.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	1	128 m ²	
2	Khối phòng học tập				
2.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	20	55,4m ²	
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh	1	55,4m ²	
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh	0	0	
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m ² /học sinh	0	0	
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	1	55,4m ²	
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m ² /học sinh	0	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập				
3.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	1	124,2 m ²	
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng	1	24 m ²	
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng	0	0	
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh	0	0	
3.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	0	0	
4	Khối phụ trợ				
4.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1	55,4m ²	Đã xuống cấp
4.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng	1	24 m ²	Đã xuống cấp
4.3	Nhà kho	48m ² /kho	1	30 m ²	
4.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	1	128 m ²	

4.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	2		1 nhà VSHS không đạt chuẩn
4.6	Phòng nghỉ giáo viên	-	0		
4.7	Phòng giáo viên	-	0		
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
5.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh	1	5750 m ²	
5.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh	1	375 m ²	
5.3	Nhà đa năng	-	0		
6	Khôi phục vụ sinh hoạt				
6.1	Nhà bếp	0,30m ² /học sinh	1	68,8 m ²	
6.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	0	0	
6.3	Nhà ăn		1	201,6m ²	
7	Hệ thống PCCC				
			0		
8	Khu thu gom rác				
			0		

*** Ưu điểm:**

Trường có đủ 20 phòng học/20 lớp, các phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị (Ti vi, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bảng đen, tủ đồ dùng). Thư viện đã được công nhận đạt chuẩn mức 2 năm 2025.

*** Hạn chế:**

Trường còn thiếu nhiều phòng bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng; khu hành chính quản trị đã xuống cấp, 01 nhà vệ sinh học sinh chưa đạt chuẩn; chưa có hệ thống PCCC và khu thu gom rác thải.

4.5. Thiết bị dạy học

Nhà trường căn cứ danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022; Quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, hằng năm nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị dạy học và tham mưu cấp trên mua sắm bổ sung.

*** Ưu điểm:**

Trường có đủ thiết bị tối thiểu phục vụ công tác dạy và học. 20/20 phòng học được trang bị Ti vi, có kết nối internet.

*** Hạn chế:**

Đa số bàn ghế, bảng đen đã cũ do nhiều năm qua chưa được mua sắm bổ sung. Hầu hết Ti vi các phòng học đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí tự chủ của trường chưa đáp ứng nhu cầu, từ năm 2023 đến nay chưa được cấp trên mua sắm bổ sung, thay thế.

III. Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức

1. Điểm mạnh

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương.

Trường có Chi bộ độc lập nên thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ trong tất cả các hoạt động của nhà trường.

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, đã qua các lớp chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực lãnh đạo tốt, có uy tín với tập thể.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, đội ngũ giáo viên có chất lượng, trình độ đào tạo đạt chuẩn cao, phẩm chất đạo đức tốt, luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Trường có đủ 20 phòng học/20 lớp, các phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị (Ti vi, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bảng đen, tủ đồ dùng). Thư viện đã được công nhận đạt chuẩn mức 2 năm 2025.

Trường có 01 điểm trường nên thuận lợi trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đạt cao, Sĩ số học sinh/lớp ở các khối đảm bảo.

2. Điểm yếu

Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của Cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế. Chưa có giáo viên đủ yêu cầu chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tư vấn học đường.

Trường còn thiếu nhiều phòng bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng; khu hành chính quản trị đã xuống cấp, 01 nhà vệ sinh học sinh chưa đạt chuẩn; chưa có hệ thống PCCC và khu thu gom rác thải. Hệ thống máy tính, Ti vi xuống cấp; bàn ghế, bảng đen đã cũ.

Một bộ phận học sinh chưa tích cực tự giác trong học tập.

3. Thời cơ

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Chính quyền địa phương, sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, sự tin nhiệm của học sinh và cha mẹ học sinh.

Đội ngũ cán bộ giáo viên được đào tạo cơ bản có năng lực chuyên môn và

HÀ
CỤC
ĐU
TH

kỹ năng sư phạm tốt, đạt trình độ chuẩn.

4. Thách thức

Năm học 2025-2026 gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đối với tất cả các khối lớp là các yêu cầu về sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục mới; việc bố trí nguồn tài chính, công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới là một thách thức.

Sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa, việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, đòi hỏi mọi người phải sáng tạo, chủ động trong công việc, nhưng một số giáo viên khả năng tiếp cận và đổi mới trong công tác giáo dục còn chậm.

Yêu cầu của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục.

5. Xác định vấn đề ưu tiên

Tham mưu thanh lý khu hành chính quản trị, xây mới các phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng; sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh để đảm bảo xây dựng trường đạt chuẩn mức 2. Khái toán kinh phí, đề xuất cấp trên trang bị thiết bị phục vụ dạy học.

Tham mưu cấp trên tuyển dụng đủ số lượng, đủ cơ cấu giáo viên, đảm bảo chất lượng theo đề án vị trí việc làm quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tăng cường bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ khả năng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng mạnh mẽ công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh. Xây dựng trường học văn hóa.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chú trọng rèn kỹ năng sống, tạo nhiều sân chơi, hoạt động trải nghiệm để phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh. Tham gia đầy đủ các Hội thi, các cuộc giao lưu và phấn đấu đạt nhiều thành tích cao.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

I. Mục tiêu tổng quát

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát

triển toàn diện. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức độ 3.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến 2027: Hoàn thành chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định mức độ 2.
- Đến 2030: Phân đầu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định mức độ 3.
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định, đến năm 2030 có ít nhất 10% giáo viên có trình độ trên chuẩn.
- Hoàn thiện cơ sở vật chất theo quy định: xây mới khối hành chính, bổ sung phòng bộ môn, nhà đa năng, cải tạo và nâng cấp nhà vệ sinh học sinh, trang bị hệ thống CNTT, PCCC.
- Hằng năm có ít nhất 99,4% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.
- Duy trì phổ cập GDTH mức độ 3, XMC mức độ 2.

II. Chiến lược phát triển

1. Quy mô số lớp, số học sinh.

Biểu 6. Dự kiến số lớp, số học sinh giai đoạn 2025-2030

Năm học	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2025-2026	4	138	4	137	4	142	4	117	4	119	20	653
2026-2027	4	140	4	138	4	137	4	142	4	117	20	674
2027-2028	5	175	4	140	4	138	4	137	4	142	21	732
2028-2029	5	175	5	175	5	175	4	138	4	137	23	800
2029-2030	5	175	5	175	5	175	5	175	4	138	24	838

2. Nhóm phát triển hoạt động giáo dục

2.1. Chỉ tiêu về chất lượng từ năm 2025 đến 2030

Hoàn thành chương trình lớp học: 99,4 % trở lên.

Hoàn thành chương trình tiểu học: 100%.

2.2. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về vai trò, vị trí và sự cần thiết phải đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm đối với sự nghiệp phát triển nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng phẩm chất, năng lực và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và đổi mới công tác đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020 của Bộ GDĐT. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động chuyên môn trong nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên trong trường, tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Đảm bảo sử dụng hiệu quả tối đa về cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang cấp và đội ngũ giáo viên giảng dạy. Sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên, đảm bảo cơ cấu giáo viên, nhất là giáo viên Tin học.

Đảm bảo trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý giáo dục, phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, công nghệ số.

Kiên toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí cán bộ giáo viên hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CB, GV, NV phù hợp với yêu cầu.

Tăng cường phụ đạo học sinh chưa hoàn thành và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, chú trọng dạy học nhằm phát huy năng lực, phẩm chất học sinh.

3. Nhóm phát triển đội ngũ

3.1. Chỉ tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định, đến năm 2030 có ít nhất 30% có trình độ trên chuẩn. 100% giáo viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên, trong đó có 30% giáo viên được xếp loại Tốt.

- Xây dựng đội ngũ CB, GV, NV đủ về số lượng, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có trình độ ngoại ngữ, có phong cách sự phạm mẫu mực, tận tụy yêu nghề mến trẻ, đoàn kết thống nhất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của trường.

3.2. Nhu cầu về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Biểu 7. Nhu cầu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên từ 2025 đến 2030

Năm học	Số lượng hiện có	Số lượng cần bổ sung theo các năm học				
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
Môn học						

Cán bộ quản lý	2	2	2	0	0	0
GV tiểu học	22	22	22	2	1	3
GV dạy bộ môn	8	8	8	0	0	1
TPT	1	1	1	0	0	0
Nhân viên	5	5	5	0	0	1
Tổng	38	38	38	2	1	5

3.3. Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia học nâng chuẩn; vận động 1 giáo viên chưa đạt chuẩn về hưu trước tuổi.

- Rà soát lại trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm của giáo viên. Động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên chưa có trình độ ngoại ngữ, tin học tự học để nâng cao trình độ. Vận động CBQL, giáo viên tự học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ nhằm đáp ứng chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định.

- Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bằng nhiều hình thức: Dự giờ, hội giảng, thi giáo viên giỏi, chuyên đề, trao đổi học tập kinh nghiệm... Phát động các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, có phần thưởng khích lệ và góp ý rút kinh nghiệm để giáo viên khắc phục những tồn tại và phát huy thành tích đạt được. Thường xuyên bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận và lực lượng cốt cán của nhà trường thông qua thực tiễn công tác và tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

3. Nhóm phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

3.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Sử dụng tối đa hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong dạy học và quản lý nhà trường.

Biểu 8. Nhu cầu về mua sắm trang thiết bị dạy học giai đoạn 2025 đến 2030

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền (Đơn vị: đồng)
Máy tính để bàn	Bộ	10	150.000.000
Bàn ghế học sinh	Bộ	200	300.000.000
Màn hình ti vi	Bộ	20	600.000.000
Bảng đen	Cái	16	72.000.000
Tổng cộng			1.122.000.000

3.2. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Tham mưu cấp trên mua sắm bổ sung thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng các phòng bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng; khu hành chính quản trị, 01 nhà vệ sinh học sinh.

Tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa trang thiết bị dạy học từ nguồn kinh phí giao quyền tự chủ theo quy định và yêu cầu trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị phục vụ dạy học.

Quy hoạch môi trường bên trong và bên ngoài, quy hoạch lại cây xanh, cây cảnh, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

4. Nhóm phát triển nguồn lực tài chính

4.1. Kế hoạch và biện pháp tăng cường nguồn lực tài chính

Huy động nguồn tài chính từ tất cả các nguồn: ngân sách nhà nước và địa phương, vận động nhân dân và cha mẹ học sinh.

Tranh thủ sự đầu tư, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội.

4.2. Giải pháp thực hiện

Thực hiện đúng theo nguyên tắc tài chính. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu chi các nguồn; công khai tài chính đúng quy định.

Tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Bàn bạc thống nhất và theo dõi thu chi các khoản thu phục vụ dịch vụ theo hướng dẫn của UBND thành phố Đà Nẵng.

Huy động các nguồn lực xã hội khác như: các mạnh thường quân, các doanh nghiệp, ... hỗ trợ thêm kinh phí trang bị đồ chơi ngoài trời cho học sinh.

5. Phát triển và quảng bá thương hiệu

Thực hiện tốt trang Facebook và Zalo, Website nhà trường, cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục thông qua các hội nghị, diễn đàn ...

Khuyến khích giáo viên tích cực tham gia vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

Xây dựng thương hiệu và sự tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu của nhà trường.

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào việc quảng bá, xây dựng thương hiệu nhà trường. Đáp ứng được thời đại kĩ nguyên số.

III. Lộ trình thực hiện

Năm học	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành
2025-2026	Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	BGH, TTCM/TTVP	Tháng 9/2025
	Triển khai Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên	Hiệu trưởng	Tháng 9/2025
	Công khai kế hoạch trên các trang điện tử của trường	GV Tin, CBGVNV	Tháng 10/2025
	Tham mưu cấp trên bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục còn thiếu, thanh lý khu hành chính quản trị; mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học.	Hiệu trưởng	Tháng 10/2025
	Sửa chữa CSVC, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học từ nguồn kinh phí tự chủ	Ban mua sắm	Tháng 11/2025-12/2026
	Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên	BGH	Thường xuyên
2026-2027	Tổ chức đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	BGH, CBGVNV	Tháng 9/2026
	Tham mưu cấp trên thanh lý và xây mới khu hành chính quản trị, các phòng bộ môn và các phòng phụ trợ còn thiếu, nhà vệ sinh học sinh, hệ thống PCCC	Hiệu trưởng	Tháng 9/2026
	Tham mưu cấp trên mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học	Hiệu trưởng	Tháng 11/2026
	Tham mưu đề nghị công nhận chuẩn quốc gia mức 1, KĐCL mức 2	BGH	Tháng 12/2027
2027-2028	Tổ chức đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	BGH, CBGVNV	Tháng 9/2027-12/2028
	Tham mưu cấp trên mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học	Hiệu trưởng	
2028-2029	Tham mưu xây nhà đa năng, khu thu gom rác thải	Hiệu trưởng	Tháng 9/2028-12/2029
	Tham mưu bổ sung biên chế giáo viên	BGH	
2029-2030	Tham mưu bổ sung biên chế giáo viên	Hiệu trưởng	Tháng 9/2029-12/2030
	Tham mưu đề nghị công nhận chuẩn quốc gia mức 2, KĐCL mức 3	Hiệu trưởng	

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược; Thành lập Ban chỉ đạo triển khai và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện định kỳ hàng năm theo lộ trình; quản lý, xây dựng và phát huy các nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch.
- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình nghiên cứu có liên quan đến nhiều đơn vị, tổ chức.

2. Phó Hiệu trưởng

- Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể; phân công nhiệm vụ và kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục của giáo viên.
- Đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục; khắc phục những tồn tại về chất lượng giáo dục.

3. Tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng Văn phòng

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của tổ từng năm học, bám sát kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Võ Thị Sáu; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ. Dự báo khả năng và đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển.
- Triển khai thực hiện nội dung bồi dưỡng thường xuyên hàng năm, nâng cao năng lực giảng dạy bộ môn và giáo dục học sinh.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học.
- Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo và năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần xây dựng, phát triển và quảng bá về trường.

5. Các tổ chức, đoàn thể trong trường

- Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ của tổ chức, đoàn thể từng năm học, thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.
- Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức, đoàn thể mình thực hiện đạt mục tiêu và thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trong kế hoạch chiến lược; góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những giải pháp phù hợp để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

6. Học sinh

- Không ngừng học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục và phong trào thi đua của nhà trường.
- Khắc phục khó khăn để vươn lên học tốt, có hoài bão và định hướng tương lai, rèn luyện kỹ năng sống để hoà nhập tốt với cuộc sống.

7. Ban đại diện Cha mẹ học sinh

- Tham gia góp ý việc triển khai thực hiện Kế hoạch; cộng tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất và vận động xã hội hóa giáo dục; cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân, tạo sự đồng thuận và ủng hộ việc thực hiện mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.
- Quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện tốt để con em học tập, rèn luyện.

PHẦN IV KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho CBQL, giáo viên, nhân viên về: Quản lý giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số; thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tham mưu cấp trên hỗ trợ học phí cho giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn, nâng trình độ ngoại ngữ, kỹ năng tư vấn tâm lý học đường,...

2. Đối với Đảng ủy và UBND xã Núi Thành

Đầu tư cơ sở vật chất: Xây dựng mới khối hành chính, các phòng bộ môn, nhà đa năng, phòng tư vấn học đường; cải tạo khu vệ sinh học sinh chưa đạt chuẩn; nâng cấp phòng học xuống cấp. Bố trí nguồn vốn đối ứng và huy động các dự án đầu tư công để trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030.

Huy động doanh nghiệp, các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể, mạnh thường quân cùng tham gia đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật.

Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân qua hệ thống truyền thanh, các cuộc họp, hội nghị vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong giáo dục.

Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trường học; quan tâm các công trình phụ trợ (điện, nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy).

Thường xuyên chỉ đạo, giám sát và đồng hành cùng Ban Giám hiệu trong việc triển khai Kế hoạch chiến lược để đảm bảo tính đồng bộ giữa nhà trường và địa phương.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Võ Thị Sáu giai đoạn 2025 – 2030. Đề nghị các tổ chức, đoàn thể, CBGVNV nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã (để báo cáo);
- Phòng VHXX (để báo cáo);
- Đăng tải trên trang Website;
- Niêm yết tại trường;
- Các tổ CM, bộ phận (để th/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Kim Tuyền